

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 13-8- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ- TỈNH QUẢNG NGÃI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm
2. Bà Bùi Thị Cẩm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1967

Địa chỉ: thôn Vùng A, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn Vùng A, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng S, 43 tuổi

Địa chỉ: thôn Vòng A, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày:

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 âm lịch, bà Lê Thị T có vay của bà Võ Thị D 18.000.000 đồng, bà T hứa đến ngày 23 tháng 02 năm 2019 âm lịch sẽ trả nhưng bà T không thực hiện. Do vậy, bà yêu cầu bà T phải trả cho bà 18.000.000 đồng và lãi tính từ khi vay đến nay với lãi suất 2%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Năm 2012 bà T có vay của bà Võ Thị D 5.000.000 đồng, vay trả góp mỗi ngày 50.000 đồng, trả trong vòng 4 tháng là dứt điểm, nhưng sau đó bà không có khả năng trả lãi nên bà D tính lại nợ, tính đến năm 2017 là 16.000.000 đồng. Lãi và gốc tính đến năm 2018 là 18.000.000 đồng. Mục đích vay là để mua bán, phục vụ kinh tế gia đình. Nay bà D đòi 18.000.000 đồng, bà thống nhất nợ, nhưng bà không có thể trả một lần, bà chỉ có thể trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Việc vay mượn chồng bà là ông Nguyễn Hoàng S không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng S nhận các thông báo của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ hợp lệ nhưng ông S không có văn bản ý kiến cho Tòa án biết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ gốc, về tiền lãi chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn là bà Võ Thị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị T ở thôn Vùng A, xã P, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng S triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ chỗ hàng xóm, láng giềng nên vào ngày 23/10/2018 âm lịch tức là ngày 29/11/2018 dương lịch, bà Lê Thị T có đến nhà bà Võ Thị D vay số tiền 18.000.000 đồng. Thời hạn vay là đến tháng 2 âm lịch thì bà T sẽ trả số tiền trên. Giấy vay tiền không ghi mục đích vay tiền, không ghi lãi suất vay. Giấy vay tiền này có tên, chữ ký của bà Lê Thị T và 02 người làm chứng là bà K và bà Nguyễn Thị D. Như vậy, có căn cứ để khẳng định rằng giữa bà D và bà T có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Căn cứ vào giấy vay tiền thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức và xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi vay, mặc dù đã đến thời hạn phải trả số tiền vay 18.000.000 đồng nhưng bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà D như thỏa thuận trong giấy vay ngày 23/10/2018. Bà D đã đòi nhiều lần nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả số tiền trên. Như vậy, bà T không trả nợ cho bà D khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án thì bà T cũng thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà D số tiền 18.000.000 đồng nhưng không thể trả một lần, bà chỉ có thể trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Do đó, đây là tình tiết mà bà D không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Lê Thị T cũng thừa nhận mục đích vay tiền là để mua bán, phục vụ kinh tế gia đình. Đối với ông Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về

phiên hòa giải nhưng quá trình Tòa án giải quyết ông S không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hay cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Xét thấy: Bà T và ông S là vợ chồng hợp pháp, việc bà T vay tiền là để phục vụ cho kinh tế gia đình nên ông Nguyễn Hoàng S cùng phải có nghĩa vụ trả nợ với bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc nguyên đơn bà Võ Thị D yêu cầu bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng S cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 18.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của bà D: Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Như vậy, ngày 23/10/2018 âm lịch tức là ngày 29/11/2018 dương lịch là ngày cho vay, thời hạn vay đến ngày 23/02/2019 âm lịch tức là ngày 28/3/2019 dương lịch. Ngày 28/3/2019 là thời hạn mà bà T phải trả số tiền vay 18.000.000 đồng nhưng bà T không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó bà T còn phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng của số tiền chậm trả là 18.000.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả là từ ngày 29/3/2019 đến ngày 13/8/2019 (4 tháng 14 ngày). Vì vậy, số tiền lãi mà bà T, ông S phải có nghĩa vụ trả cho bà D là: $(18.000.000 \text{ đồng} \times 0,0278\% \times 134 \text{ ngày}) = 670.000 \text{ đồng}$.

Bà D yêu cầu bà T, ông S trả tiền lãi từ ngày 23/10/2018 đến ngày xét xử với số tiền 2.042.000 đồng là cao hơn mức lãi suất mà nhà nước quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền lãi là 670.000 đồng, không chấp nhận số tiền lãi theo yêu cầu của bà D $(2.042.000\text{đ} - 670.000\text{đ}) = 1.372.000 \text{ đồng}$.

[3] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 933.500 đồng. Bà Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí do không được chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D, buộc vợ chồng bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng S có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị D số tiền vay gốc là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) và 670.000 đồng (sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D về việc yêu cầu bà T, ông S trả số tiền lãi là 1.372.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng S cùng phải chịu 933.500 đồng (chín trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0004885 ngày 23 - 4 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ; bà D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Võ Thị D, bà Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Hoàng S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Minh Kha